

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GPMT-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 40/2023/CV-PIM DkN ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Điện năng Đắk Nông về việc chỉnh sửa, bổ sung và đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án “Thủy điện Nam Long” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Điện năng Đắk Nông, địa chỉ tại thôn Nam Hà, xã Nam N’Đir, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Thủy điện Nam Long (công suất 9 MW)” tại xã Nam N’Đir và xã Đức Xuyên, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư:**

1.1. Tên dự án đầu tư: Thủy điện Nam Long (công suất 9 MW).

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Nam N’Đir và xã Đức Xuyên, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần có mã số 6400395515 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp, đăng ký lần đầu ngày 04/10/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 13/4/2022.

1.4. Mã số thuế: 6400395515.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích sử dụng đất của dự án: 246.539,4 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất phát điện: 9 MW (gồm 02 Tổ máy có công suất 4,5 MW/Tổ máy).

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy

định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Điện năng Đắk Nông:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Điện năng Đắk Nông có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**.

(từ ngày ..... tháng ..... năm 2023 đến ngày ..... tháng ..... năm 2033).

**Điều 4.** Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- PTTgCP, Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Đắk Nông (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông;
- Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty CP Đầu tư và Quản lý Điện năng Đắk Nông;
- Lưu: VT, KSONMT, Q12.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Võ Tuấn Nhân**

**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:****1. Nguồn phát sinh nước thải:**

1.1. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt:

- Nguồn số 01: Khu vực Nhà máy.
- Nguồn số 02: Nhà Quản lý vận hành.
- Nguồn số 03: Nhà bếp.

1.2. Nguồn phát sinh nước thải sản xuất:

- Nguồn số 04: Khu vực lắp đặt 02 Tủ máy phát điện.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Đăk Rí thuộc địa bàn xã Năm N'Đir, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Xã Năm N'Đir, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.
- Tọa độ vị trí xả nước thải:

+ Dòng nước thải số 01 (ứng với nguồn số 01): Trong đó:

++ Tọa độ vị trí xả nước thải vào kênh xả chung: X = 1363929,68; Y = 430673,25.

++ Tọa độ vị trí xả nước thải vào sông Đăk Rí: X = 1363844,01; Y = 430942,12.

+ Dòng nước thải số 02 (ứng với nguồn số 02 và 03): X = 1363747,33; Y = 430451,69.

+ Dòng nước thải số 03 (ứng với nguồn số 04): Trong đó:

++ Tọa độ vị trí xả nước thải vào kênh xả chung: X = 1363909,15; Y = 430667,27.

++ Tọa độ vị trí xả nước thải vào sông Đăk Rí: X = 1363844,01; Y = 430942,12.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108°30' múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 8,6 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ), trong đó:

- Lưu lượng Dòng nước thải số 01: 1,5 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).
- Lưu lượng Dòng nước thải số 02: 1,5 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).
- Lưu lượng Dòng nước thải số 03: 5,6 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Dòng nước thải số 01: Tự chảy theo đường ống PVC ra kênh xả chung của dự án rồi chảy ra sông Đăk Rí. Điểm xả nước thải sau xử lý vào môi trường tiếp nhận phải có biển báo, thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

- Dòng nước thải số 02: Tự chảy theo đường ống PVC ra sông Đắc Rí. Điểm xả nước thải sau xử lý vào môi trường tiếp nhận phải có biển báo, thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

- Dòng nước thải số 03: Bơm cưỡng bức theo đường ống thép ra kênh xả chung của dự án rồi chảy ra sông Đắc Rí. Điểm xả nước thải sau xử lý vào môi trường tiếp nhận phải có biển báo, thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

- Hình thức xả nước thải: Xả mặt.

### 2.3.2. Chế độ xả nước thải:

- Dòng nước thải số 01 và 02: Xả liên tục 24 giờ/ngày.

- Dòng nước thải số 03: Xả gián đoạn theo ca làm việc.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B; K = 1,2), QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B với  $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 1,2$ ), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
<b>I</b>	<b>Dòng nước thải số 01 và 02</b>				
1	pH	-	5 - 9 <sup>(1)</sup>	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	60 <sup>(1)</sup>		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120 <sup>(1)</sup>		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200 <sup>(1)</sup>		
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4,8 <sup>(1)</sup>		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12 <sup>(1)</sup>		
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	60 <sup>(1)</sup>		
8	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	12 <sup>(1)</sup>		
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24 <sup>(1)</sup>		
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12 <sup>(1)</sup>		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000 <sup>(1)</sup>		
<b>II</b>	<b>Dòng nước thải số 03</b>				
1	Nhiệt độ	°C	40 <sup>(2)</sup>	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Màu	Pt/Co	150 <sup>(2)</sup>		
3	pH	-	5,5 - 9 <sup>(2)</sup>		
4	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	54 <sup>(2)</sup>		
5	COD	mg/l	162 <sup>(2)</sup>		
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	108 <sup>(2)</sup>		
7	Sắt	mg/l	5,4 <sup>(2)</sup>		
8	Tổng phenol	mg/l	0,54 <sup>(2)</sup>		
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,8 <sup>(2)</sup>		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
10	Sunfua	mg/l	0,54 <sup>(2)</sup>		
11	Amoni (tính theo N)	mg/l	10,8 <sup>(2)</sup>		
12	Tổng nitơ	mg/l	43,2 <sup>(2)</sup>		
13	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6,48 <sup>(2)</sup>		
14	Clo dư	mg/l	2,16 <sup>(2)</sup>		
15	Coliform	MPN/100ml	5.000 <sup>(2)</sup>		

**Ghi chú:**

- <sup>(1)</sup>: Giá trị giới hạn theo QCVN 14:2008/BTNMT (cột B với hệ số K = 1,2).
- <sup>(2)</sup>: Giá trị giới hạn theo QCVN 40:2011/BTNMT (cột B với hệ số K<sub>q</sub> = 0,9; K<sub>f</sub> = 1,2).

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:****1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ Nguồn số 01 được xử lý qua 01 bể tự hoại, qua bể sinh học và tự chảy ra kênh xả chung của dự án rồi chảy ra sông Đắc Rí.

- Nước thải từ Nguồn số 02 được xử lý qua 03 bể tự hoại trước khi nhập chung với nước thải từ nguồn số 03, qua bể sinh học rồi tự chảy ra sông Đắc Rí.

- Nước thải từ Nguồn số 03 được xử lý qua bể tách mỡ và nhập chung với nước thải từ nguồn số 02 (đã được xử lý qua 03 bể tự hoại), qua bể sinh học rồi tự chảy ra sông Đắc Rí.

- Nước thải từ Nguồn số 04 theo các rãnh thu gom chảy về hệ thống bể thu nước rò rỉ và tách dầu, bể nước tháo cạn để loại bỏ dầu trước khi bơm ra sông Đắc Rí.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt tại Khu vực Nhà máy:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (Nguồn số 01) → Bể tự hoại → Bể sinh học → Kênh xả chung → sông Đắc Rí.

- Dung tích bể tự hoại: 3,978 m<sup>3</sup>.

- Dung tích bể sinh học: 2 m<sup>3</sup>.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm sinh học Bio-phốt.

1.2.2. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt tại Nhà Quản lý vận hành:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → 03 Bể tự hoại → Bể sinh học → sông Đắc Rí.

- Dung tích bể tự hoại: 3,978 m<sup>3</sup>/bể.

- Dung tích bể sinh học: 2 m<sup>3</sup>.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm sinh học Bio-phốt.

### 1.2.3. Công trình xử lý nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (Nguồn số 04) → Bể thu nước rò rỉ và tách dầu → Bể nước tháo cạn → Kênh xả chung → sông Đăk Rí.

- Dung tích hữu ích của bể thu nước rò rỉ và tách dầu: 5,04 m<sup>3</sup>.

- Dung tích hữu ích của bể nước tháo cạn: 10 m<sup>3</sup>.

- Vật liệu sử dụng: Vợt vớt dầu, tấm lọc dầu.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

### 1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành công trình xử lý nước thải sinh hoạt và công trình xử lý nước thải sản xuất theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải sau xử lý, đảm bảo vận hành hiệu quả các công trình xử lý nước thải.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành các công trình xử lý nước thải và ghi chép vào sổ nhật ký vận hành hàng ngày.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Công trình xử lý nước thải sản xuất.

### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí lấy mẫu đầu vào: Bể thu nước rò rỉ và tách dầu.

- Vị trí lấy mẫu đầu ra: Cửa xả nước thải ra kênh xả chung của dự án.

### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý điện năng Đăk Nông phải giám sát các chất ô nhiễm đối với nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường quy định tại Mục 2.3.3 của Phần A Phụ lục này.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải) trong thời gian ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong thời gian ít nhất là 07 ngày liên tiếp) sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm nêu tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý điện năng Đắk Nông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra ngoài môi trường.

**Phụ lục 2****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BTNMT ngày..... tháng ..... năm 2023  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: 02 Tổ máy phát điện.
- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tọa độ đại diện: X = 1659801; Y = 537990.
- Nguồn số 02: Tọa độ đại diện: X = 1659810; Y = 537994.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $108^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ )

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với thiết bị có công suất lớn, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.



**Phụ lục 3****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Giẻ lau, vải bảo vệ thải có bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	96
2	Dầu truyền nhiệt và cách điện tổng hợp thải	17 03 04	60
3	Dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước	17 05 04	5
4	Ắc quy chì thải	19 06 01	17
5	Bao bì thải	18 01 01 18 01 02 18 01 03 18 01 04	2
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	12
7	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	19 02 06	12
<b>Tổng khối lượng</b>			<b>204</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo) thải	6
2	Chất thải từ vỏ cây, gỗ loại bỏ	36
3	Bùn thải từ xử lý nước thải sinh hoạt	36
4	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo (dầu ăn, mỡ động vật) từ quá trình phân tách dầu/nước	24
5	Bao bì không chứa các thành phần nguy hại thải	6
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ không chứa các thành phần nguy hại thải	6
7	Thiết bị điện không chứa thành phần nguy hại thải	6
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>120</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 3,01 tấn/năm.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Đã trang bị thùng phuy có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 11,4 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho có kết cấu khung thép, vách quay bằng tôn, có mái che, có biển báo; nền bê tông chống thấm và có hố thu gom chất thải lỏng rơi vãi.

2.1.3. Bể chứa dầu sự cố cho Trạm biến áp 110 kV:

- Dung tích bể: 28 m<sup>3</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Đáy bể bằng bê tông cốt thép, thành xây gạch trát xi măng, đảm bảo chống rò rỉ dầu thải (nếu có) ra môi trường đất.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Đã trang bị thùng nhựa có nắp đậy để lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 10 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho có kết cấu khung thép, vách quay bằng tôn, nền xi măng chống thấm, có mái che.

**2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:**

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

1. Theo dõi thường xuyên đập dâng, hồ chứa và hệ thống cảnh báo an toàn lòng hồ, vùng hạ du hồ chứa trong quá trình vận hành dự án; thường xuyên kiểm tra, giám sát xói lở dọc hai bờ sông Đắc Rí và phía hạ lưu đập trong quá trình vận hành dự án để kịp thời cảnh báo giảm thiểu hoặc phối hợp khắc phục các tác động tiêu cực do sạt lở gây ra.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt

cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Phụ lục 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:**

Không có hạng mục, công trình sản xuất và công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

3. Duy trì dòng chảy tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 64/2017/TT-BTNMT ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu các hồ chứa, đập dâng.

4. Thực hiện giám sát các thông số thủy văn phục vụ cho việc vận hành xả lũ; thường xuyên theo dõi hệ thống cảnh báo an toàn lòng hồ và vùng hạ du hồ chứa để có phương án ứng phó sự cố trong quá trình dự án đi vào vận hành.

5. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

6. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (chỉ sử dụng gián đoạn trong trường hợp mất điện) không có hệ thống xử lý khí thải, tuy nhiên nhiên liệu sử dụng phải là nhiên liệu sạch, đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; khí thải phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.